

Số: /KH-PGDĐT

Tuyên Hoá, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Tuyên Hoá năm 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của TRƯỜNG HỌC phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Kế hoạch số 127/KH-SGDĐT ngày 17/01/2024 của Sở GD&ĐT về thực hiện chuyển đổi số ngành GD&ĐT Quảng Bình năm 2024;
- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND huyện về thực hiện chuyển đổi số huyện Tuyên Hoá năm 2024;
- Kế hoạch số 734/KH-PGDĐT ngày 03/11/2022 của Phòng GD&ĐT về thực hiện chuyển đổi số ngành GD&ĐT Tuyên Hoá giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian qua để từng bước thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 của ngành GDĐT.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Phòng GD&ĐT và các nhà trường; thực hiện tốt các hoạt động xây dựng, cung cấp, tiếp nhận và giải quyết các TTHC thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.
- Đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin dùng chung; cung cấp dữ liệu vào hệ thống dữ liệu tập trung, dùng chung của tỉnh bảo đảm việc tiếp cận trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng nhằm đẩy mạnh nhiệm vụ Chuyển đổi số trong GDĐT.
- Áp dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả QLGD; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, góp phần hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số thuộc lĩnh vực GDĐT trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức DVCTT. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT tối thiểu

70%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến so với hồ sơ TTHC có phí, lệ phí tối thiểu 50%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cơ quan phòng GDĐT đạt 98%, tại các trường từ 90% trở lên (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% đơn vị triển khai có hiệu quả CSDL ngành, phục vụ công tác thống kê, quản trị trường học.

- Trên 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị quản lí.

- 100% các trường phổ thông tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số; 90% các trường được công nhận chuyển đổi số đạt từ Mức 2 trở lên.

- 100% Công/Trang TTĐT cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

- 100% trường THCS, TH&THCS được triển khai, sử dụng có hiệu quả phần mềm Quản lý ngân hàng đề.

- Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 4% ở cấp tiểu học, 7% ở cấp trung học.

- 100% trường phổ thông sử dụng hồ sơ điện tử; phấn đấu 100% đơn vị sử dụng các nền tảng quản trị nhà trường và chữ ký số.

b) Kinh tế số và xã hội số

- Tỷ lệ trường học triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học đạt 50%.

- Trên 50% trường học trên địa bàn sử dụng thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt.

- 100% trường học được kết nối Internet băng thông rộng, có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu triển khai ứng dụng, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ chuyển đổi số; trên 70% điểm trường lẻ được phủ internet tốc độ cao.

- Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng DVCTT tại phòng GDĐT đạt trên 95%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhận thức số

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại tỉnh Quảng Bình; tăng cường phổ biến, quán triệt nhằm tạo sự chuyển biến trước hết về tư duy, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng hạ tầng số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học trong toàn ngành tham gia vào kênh truyền thông Zalo chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác, học tập.

2. Thể chế số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1414/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số ngành GDĐT tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1268/KH-PGDĐT ngày 22/9/2022 của UBND huyện Tuyên Hoá về thực hiện chuyển đổi số giai đoạn đến 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 734/KH-PGDĐT ngày 03/11/2022 của Phòng GD&ĐT về thực hiện chuyển đổi số ngành GD&ĐT Tuyên Hoá giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người học về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

3. Nhân lực số

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngành.

- Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức theo nhu cầu công việc.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng về các công nghệ mới, phương thức quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, CSDL trong chuyển đổi số, bảo đảm ATTT mạng cho cán bộ bán chuyên trách CNTT trong các đơn vị.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ bán chuyên trách, phụ trách CNTT của các đơn vị.

- Xây dựng đội ngũ CBQL, nhà giáo có khả năng thích ứng với môi trường làm việc số và với tiên bộ khoa học công nghệ mới, có tác phong kỷ luật và đạo đức trong công việc, có khả năng tư duy đột phá, sáng tạo trong công tác quản lý, quản trị trường học, trong hoạt động giảng dạy.

- Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các đơn vị trong quá trình tiếp cận và chuyển đổi số. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng

CNTT nhằm xây dựng nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ mới.

- Tham gia đầy đủ lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, phương thức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, CSDL trong chuyển đổi số, đảm bảo ATTT mạng; các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ; các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành do tỉnh, bộ tổ chức.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục, nhân viên và người học; đảm bảo quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành GDĐT; triển khai hệ thống bồi dưỡng GV đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

- Triển khai lồng ghép đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Xem xét lựa chọn, tổ chức triển khai phù hợp việc đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học hoặc từ cấp trung học cơ sở để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

4. Hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT theo hướng đồng bộ, hiện đại. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; phấn đấu kết nối Internet FTTH tới tất cả các đơn vị; tất cả các trường học có mạng LAN hoặc hệ thống wifi (có kết nối internet) để phục người học và giáo viên tiếp cận, khai thác học liệu, tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử, sử dụng các ứng dụng CNTT hỗ trợ dạy và học; phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức có cơ chế chính sách hỗ trợ máy tính, dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ nhà giáo.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị, giải pháp công nghệ phục vụ ứng dụng hội nghị, học trực tuyến, họp không giấy; thiết bị ứng dụng CNTT hỗ trợ trong công tác quản lý hành chính; tăng cường thiết bị, phần mềm hỗ trợ dạy học có ứng dụng CNTT (máy chiếu, bảng tương tác thông minh, smart tivi, các phần mềm mô phỏng...).

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% trường học nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho CBQL giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ các trường với hệ thống CSDL ngành cấp Phòng, cấp Sở và hệ thống CSDL toàn quốc của ngành GDĐT.

- Trên nền tảng CSDL, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, ưu tiên triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của nhà trường. Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của nhà trường với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm bài giảng điện tử, bài dạy trên truyền hình, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; triển khai hệ thống ngân hàng câu hỏi cho các môn học giáo dục phổ thông cho các trường THCS, TH&THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5. Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Đề án 468; nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, trợ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVCTT. Triển khai biên lai điện tử cho việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC.

- Tiếp tục khai thác ứng dụng Hệ thống phần mềm dùng chung Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh hướng đến nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp DVCTT.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Tham mưu đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy vi tính cho các trường chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học (mức độ 1) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.

- Phối hợp với các đơn vị viễn thông VNPT, Viettel,... để Triển khai nền tảng quản trị nhà trường; hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học; đảm bảo đạt trung bình 4% ở bậc tiểu học, 7% ở bậc trung học.

- Tiếp tục chỉ đạo các trường học sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, phần mềm: CSDL ngành GDĐT; phần mềm Quản lý ngân hàng đề thi; phần mềm Quản lý thiết bị; phần mềm Quản lý thư viện; phần mềm Kiểm định Chất lượng Giáo dục; phần mềm Quản lý y tế học đường; Công TTĐT ngành GDĐT Quảng Bình; Hệ thống Quản lý tuyển sinh đầu cấp; phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ;...

- Tiếp tục triển khai đánh giá Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các trường phổ thông.

- Hoàn thành triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ sử dụng giải pháp ký số tập trung áp dụng cho tất cả thuê bao là giáo viên phổ thông của các trường.

6. Kinh tế số, xã hội số

- Triển khai ứng dụng Công dân số tập trung tỉnh Quảng Bình. Tuyên truyền,

phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 31/CT-TU ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học theo Kế hoạch số 892/KH-UBND ngày 25/5/2022 về việc hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, CSGD và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 2569/KH-SGDĐT ngày 21/12/2022 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện Kế hoạch số 1141/KH-UBND của UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố ATTT mạng Việt Nam.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thành phân loại, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm ATTT cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng năm 2024 do UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tổ chức.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước, các nguồn thu hợp pháp khác, khuyến khích xã hội hóa để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

2. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ phận công tác thuộc Phòng GD&ĐT

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung đã xác định theo Kế hoạch để tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả,

phù hợp với điều kiện thực tế ở các trường học.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số; tổ chức kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các đơn vị; cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống CSDL ngành GDĐT trước 15/6 hằng năm; công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng/Trang TTĐT ngành và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Các trường học trong toàn ngành

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan để ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 và các kế hoạch khác có liên quan của đơn vị; chịu trách nhiệm trước Phòng GDĐT về kết quả chuyển đổi số của đơn vị mình.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “đơn vị số”, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị.

- Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng/Trang TTĐT để tuyên truyền chuyển đổi số của đơn vị.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị và báo cáo cấp quản lý theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

Yêu cầu đơn vị triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Phòng GDĐT (qua chuyên viên phụ trách) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lãnh đạo Phòng;
- Các chuyên viên Phòng;
- Các trường học toàn ngành;
- Cổng TTĐT ngành;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Hồ Trung Tuyên

